

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 4 đơn vị và 6 chục được viết là: **(0,5 điểm)**

- A. 46 B. 64 C. 14 D. 16

Câu 2 Số lớn nhất trong các số 50, 32, 48, 17 là: **(0,5 điểm)**

- A. 50 B. 32 C. 48 D. 17

Câu 3 Số? **(0,5 điểm)**

2 12 22 ? 42 52

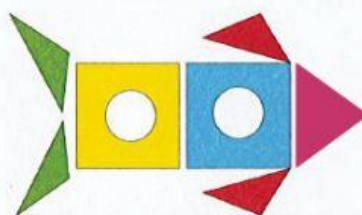
- A. 23 B. 41 C. 32 D. 40

Câu 4 Giờ vào học buổi sáng là 7 giờ. Sáng nay, Minh ngủ dậy muộn nên đến lớp học muộn mất 1 giờ. Minh đến lớp học lúc mấy giờ?

- A. 6 giờ B. 7 giờ C. 8 giờ D. 9 giờ

Câu 5 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

- A. 2 hình tam giác B. 5 hình tam giác
C. 3 hình tam giác D. 4 hình tam giác



Câu 6 Nam bỏ một cặp bánh chưng vào trong một chiếc hộp hình lập phương thì vừa đầy hộp. Nam đo được chiều cao của mỗi chiếc bánh là 5 cm. Chiều cao của chiếc hộp là: **(0,5 điểm)**

- A. 5 cm B. 20 cm
C. 15 cm D. 10 cm



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. (2 điểm)

$25 - 12 = \square$

$11 + 54 - 32 = \square$

$57 - 43 = \square$

$23 - 10 + 35 = \square$

Bài 2 Số? (1 điểm)

$47 - \square = 12$

$14 + \square - 76 = 20$

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$82 \square 98 - 20$

$56 + 11 \square 72 - 2$

Bài 4 Mẹ hái lê bỏ vào bốn túi: xanh, tím, vàng và hồng (như bức tranh).

- a. Nếu thêm 4 quả lê vào túi xanh thì số quả lê ở túi xanh và túi tím sẽ bằng nhau. Hỏi trong túi xanh có bao nhiêu quả lê? (2 điểm)



Phép tính:

Trả lời:

Trong túi màu xanh có $\square$ quả lê.

- b. Mẹ đặt các túi lê vào 2 chiếc thúng gánh ra chợ bán. Mẹ nên đặt các túi lê nào vào cùng một thúng để khi gánh không bị nghiêng? (1 điểm)

Trả lời:

Mẹ nên đặt: túi $\square$ và túi $\square$ vào cùng một thúng;
túi $\square$ và túi $\square$ vào cùng một thúng.

